

BÀI TẬP THỰC HÀNH

PHP

Thực hành #1

- Sử dụng lớp Vô Danh làm các yêu cầu sau:
 - Khai báo thuộc tính name
 - Khai báo hằng số LOP
 - Khai báo hàm set giá trị cho thuộc tính name, hàm có tên setName
 - Khai báo hàm in giá trị name ra màn hình, hàm có tên getName
- Gọi và sử dụng hàm trên để:
 - In giá trị của LOP ra màn hình
 - Thiết đặt giá trị cho thuộc tính name bằng cách gọi hàm setName
 - In giá trị name ra màn hình bằng cách gọi hàm getName

Thực hành #2

- Yêu cầu:
 - In ra màn hình các số chẵn trong phạm vi 1 tới 100

Thực hành #3

- Tạo form nhập dữ liệu với 2 giá trị cần nhập là trường “Họ và Tên” và “Giới Tính”, trong đó giới tính là dạng radio (2 giá trị tương ứng là Nam: M và Nữ: F)
- Yêu cầu:
 - In ra màn hình giá trị Tên và Giới tính của Form submit lên
 - Sử dụng câu lệnh Switch để hiển thị giá trị Giới tính **Nữ** nếu là *F* và **Nam** nếu là *M*

Thực hành #4

- Tạo mảng với tên \$danhsachHV, mảng có dữ liệu sau:
 - a. Mỗi phần tử của mảng có cấu trúc key là tên học viên, value chứa các giá trị: tuổi, giới tính, ngày sinh, địa chỉ
 - b. In ra màn hình danh sách học viên dưới dạng table
 - c. Hiển thị tổng số tuổi của học viên
 - d. Hiển thị số tuổi trung bình của học viên
 - e. Hiển thị số tuổi thấp nhất của học viên
 - f. Hiển thị số tuổi cao nhất của học viên

Thực hành #5

- Cho 2 bảng, lop và hocvien
- Bảng lop có cấu trúc sau:

| Cột | Loại Dữ Liệu(Độ Dài) | Loại |
|-----|----------------------|-----------------|
| ID | Int(11) | Khóa chính (PK) |
| TEN | Varchar(200) | Not Null |

Thực hành #5

- Bảng hocvien


| Cột | Loại Dữ Liệu(Độ Dài) | Loại |
|-----------|----------------------|-------------|
| ID | Int(11) | PK |
| TEN | Varchar(200) | Not Null |
| NGAY_SINH | Date | Not Null |
| GIOI_TINH | TinyInt(1) | Not Null |
| LOP_ID | Int(11) | FK (LOP-ID) |

Thực hành #5

- Yêu cầu:
 - a. Xây dựng form “Tạo Thông Tin Lớp” chèn dữ liệu vào bảng lop
 - b. Xây dựng form “Tạo Thông Tin Học Viên” chèn dữ liệu vào bảng hocvien
 - c. Xây dựng trang “Thông Tin Học Viên”, hiển thị danh sách dữ liệu ở bảng hocvien ra dạng table

Thực hành #6

- Cho bảng dữ liệu “**user**”:
- Yêu cầu:
 - a. Xây dựng chức năng login




| # | Name | Type | Collation | Attributes | Null | Default | Comments | Extra |
|----------------------------|--|--------------|--------------------|------------|------|---------------------|----------|----------------|
| <input type="checkbox"/> 1 | ID  | int(11) | | UNSIGNED | No | None | | AUTO_INCREMENT |
| <input type="checkbox"/> 2 | USER_NAME | varchar(100) | utf8mb4_general_ci | | No | None | | |
| <input type="checkbox"/> 3 | PASSWORD | varchar(200) | utf8mb4_general_ci | | No | None | | |
| <input type="checkbox"/> 4 | FIRST_NAME | varchar(150) | utf8mb4_general_ci | | No | None | | |
| <input type="checkbox"/> 5 | LAST_NAME | varchar(250) | utf8mb4_general_ci | | No | None | | |
| <input type="checkbox"/> 6 | EMAIL | varchar(250) | utf8mb4_general_ci | | No | None | | |
| <input type="checkbox"/> 7 | CREATED_AT | timestamp | | | No | current_timestamp() | | |
| <input type="checkbox"/> 8 | UPDATED_AT | timestamp | | | Yes | NULL | | |

Thực hành #7

- Dựa trên bài thực hành #6
- Yêu cầu:
 - a. Xây dựng lớp User, chứa các thuộc tính là các trường trong table user, các trường này chỉ gọi được trong lớp
 - b. Viết function Add, thực hiện chèn dữ liệu vào bảng User
 - c. Viết function Update, cập nhật thông tin 1 User, tham số là id của User
 - d. Viết function Delete, xóa dữ liệu 1 user, tham số là id của User
 - e. Viết function getUserList, lấy toàn bộ dữ liệu user
 - f. Viết function getUser, lấy thông tin 1 user, tham số là id của User

Thực hành #8

- Xây dựng các trang với các chức năng sau
 - a. Trang **Danh sách User** để hiển thị thông tin toàn bộ dữ liệu User, gồm các thông tin: Id, First Name, Last Name, Age, Email, Created At.
 - b. Xây dựng trang **Tạo mới User** với các thông tin đầu vào: First Name, Last Name, Age, Email, Password, Confirm Password.
 - c. Xây dựng trang **Chỉnh sửa thông tin của User**.
 - d. Xây dựng tính năng: Tạo mới User, Chỉnh sửa User, Xóa User. Các tính năng này ở trang **Danh Sách User**.

| <u>Danh Sách User</u> |  | | | | | |
|-----------------------|---|---------------|-----|--------|---------------|---|
| | ID | Name | Age | Gender | Email | Action |
| | 1 | Nguyễn Văn An | 23 | Nam | an@aptech.com |   |

Bài số 1

Đề bài:

- Cho 2 file csv (client.csv, province.csv)

Yêu cầu:

1. Đọc dữ liệu ở file client.csv hiển thị ra bảng
2. Cột “province” trong file client.csv là giá trị “name” tương ứng trong file province.csv (lấy thông qua so sánh cột “province_id” trong client.csv và “id” trong file province.csv)

Bài số 1

| STT | Họ và Tên | Địa chỉ | Tỉnh/Thành Phố |
|-----|-----------------|------------------------------------|----------------|
| 1 | Phan Minh Phụng | 74 bà triệu phường phú hội, tp huế | Thừa Thiên Huế |
| 2 | Cao Xuân Hùng | 74 bà triệu phường phú hội, tp huế | Thừa Thiên Huế |